

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên	
Ông Hồ Sỹ Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2013
Ông Phùng Hoài Linh	Ủy viên	
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thu Hằng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các Quy định liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho
Ban Tổng Giám đốc,

Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Lê Minh Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Số: /2014/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 12/03/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

0933-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

2323-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.474.657.640	304.006.687.665
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.041.193.193	25.715.774.532
Tiền	111		2.041.193.193	25.715.774.532
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.874.213.813	171.809.081.282
Phải thu khách hàng	131		183.060.669.500	120.216.898.514
Trả trước cho người bán	132		45.704.460.600	50.193.578.195
Các khoản phải thu khác	135	5	19.056.065.619	15.576.809.791
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(17.946.981.906)	(14.178.205.218)
Hàng tồn kho	140		118.139.644.322	105.905.751.982
Hàng tồn kho	141	6	118.139.644.322	105.905.751.982
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.419.606.313	576.079.868
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.017.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		865.303.566	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		-	81.369.812
Tài sản ngắn hạn khác	158		535.285.747	494.710.056
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.452.991.415	69.473.359.904
Tài sản cố định	220		56.057.603.096	24.154.285.196
Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.285.948.774	2.845.345.962
- Nguyên giá	222		33.093.948.421	33.144.320.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.807.999.647)	(30.298.974.199)
Tài sản cố định vô hình	227	8	20.000.000.000	15.375.950
- Nguyên giá	228		20.225.742.000	225.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.742.000)	(210.366.050)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	33.771.654.322	21.293.563.284
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.050.000.000	25.050.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	10	22.550.000.000	22.550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	11	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		345.388.319	20.269.074.708
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	345.388.319	20.269.074.708
TỔNG TÀI SẢN	270		432.927.649.056	373.480.047.569

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		375.761.065.715	318.844.455.971
Nợ ngắn hạn	310		344.244.137.883	305.452.113.820
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	97.182.511.321	104.262.526.138
Phải trả người bán	312		91.415.971.566	42.304.047.301
Người mua trả tiền trước	313		139.436.729.058	137.592.764.711
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	429.964.393	4.189.800.840
Phải trả người lao động	315		5.896.079.228	6.672.259.411
Chi phí phải trả	316	15	186.880.157	239.050.209
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	5.355.127.445	5.499.292.147
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.340.874.715	4.692.373.063
Nợ dài hạn	330		31.516.927.832	13.392.342.151
Phải trả dài hạn người bán	331		25.417.370.079	-
Phải trả dài hạn khác	333		4.148.720.060	4.148.720.060
Vay và nợ dài hạn	334	17	376.129.436	187.906.778
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	6.662.037.690
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.574.708.257	2.393.677.623
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.166.583.341	54.635.591.598
Vốn chủ sở hữu	410	18	57.166.583.341	54.635.591.598
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.300.000.000	24.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.325.000.000	2.325.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.036.263.497	8.036.263.497
Quỹ đầu tư phát triển	417		19.873.755.820	17.342.764.077
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.631.564.024	2.631.564.024
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		432.927.649.056	373.480.047.569

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			293.861.000	293.861.000
Ngoại tệ các loại (USD)			218,24	323,29

Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	310.370.505.097	356.028.390.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		310.370.505.097	356.028.390.187
Giá vốn hàng bán	11	20	286.933.958.122	320.274.823.582
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.436.546.975	35.753.566.605
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.987.682.276	345.012.117
Chi phí tài chính	22	22	10.818.940.931	12.179.276.623
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.645.131.120</i>	<i>11.947.271.952</i>
Chi phí bán hàng	24	23	(5.191.327.423)	5.059.205.799
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	16.803.589.085	14.765.598.783
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.993.026.658	4.094.497.517
Thu nhập khác	31	25	2.393.590.071	3.573.961.070
Chi phí khác	32	26	2.595.462.140	1.676.594.516
Lợi nhuận khác	40		(201.872.069)	1.897.366.554
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.791.154.589	5.991.864.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	344.162.845	1.435.833.735
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.446.991.744	4.556.030.336
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.242	1.875

Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		5.791.154.589	5.991.864.071
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		1.148.975.525	3.256.054.268
Các khoản dự phòng	3		3.768.776.688	2.488.616.989
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(4.658.742.437)	(341.347.637)
Chi phí lãi vay	6		10.645.131.120	11.947.271.952
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		16.695.295.485	23.342.459.643
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(57.962.816.389)	14.633.200.337
(Tăng) hàng tồn kho	10		(12.777.636.160)	(39.321.425.003)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		59.559.017.970	(24.224.816.366)
Giảm chi phí trả trước	12		142.949.113	117.858.828
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.422.585.166)	(11.678.433.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.982.474.154)	(22.758.220)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		109.402.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(658.905.250)	(325.120.000)
	20		(7.297.752.551)	(37.479.033.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.674.505.208)	(8.347.680.772)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		342.742.437	341.347.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.331.762.771)	(8.006.333.135)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		171.694.674.104	223.981.862.335
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(178.602.034.121)	(174.420.439.792)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.137.706.000)	(2.115.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.045.066.017)	47.446.422.543
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.674.581.339)	1.961.055.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	25.715.774.532	23.754.719.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.041.193.193	25.715.774.532

Lê Minh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Phạm Thu Hằng
Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103007120 ngày 30/03/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 07/04/2006, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 08/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 29/05/2012 với nội dung bổ sung thông tin về hai (02) chi nhánh được thành lập trong năm 2012.

Tên**Địa chỉ*****Chi nhánh hạch toán phụ thuộc***

- | | |
|--|--|
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực –Xí nghiệp Cơ khí | Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực –Xí nghiệp Kết cấu mạ thép | Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội |

Trụ sở chính đặt tại số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 24,3 tỷ đồng, chia thành 2.430.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các Cổ đông đã đăng ký lưu ký 1.226.870 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn UPCOM với mã chứng khoán PEC (ngày chào sàn 06/10/2010).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Vận tải hàng hoá; và
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe; cho thuê nhà nhằm mục đích kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế)
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh; và
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được áp dụng từ ngày 10/06/2013 năm 2013, một trong các tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định là tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên (quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 là 10 triệu đồng trở lên). Do đó, trong năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản có giá trị dưới 30 triệu. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 7.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20 - 27
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7 - 8
Thiết bị văn phòng	5

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình tại Công ty bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị của phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao của phần mềm kế toán được xác định theo thời gian sử dụng ước tính là 5 năm. Công ty trích khấu hao nhanh 2 lần mức khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị quyền sử dụng đất là Chi phí thuê 50.066 m2 đất tại thửa đất số 841, tờ bản đồ số 11, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 631320 ngày 06/05/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con và công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Công ty được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Công ty con do Công ty đầu tư và chi phối, các Công ty và các Cổ đông lớn của Công ty.

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả phải nộp khác, chi phí phải trả và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	40.936.255	40.554.500
Tiền gửi ngân hàng	2.000.256.938	25.675.220.032
	2.041.193.193	25.715.774.532

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.753.424.590	14.805.979.821
+ Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây dựng Nguồn Điện	18.305.979.821	14.805.979.821
+ Công ty TNHH Xây lắp PEC	447.444.769	-
Thuế GTGT chưa kê khai	-	204.168.531
Phải thu khác	302.641.029	566.661.439
+ Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây dựng Nguồn Điện	212.433.360	212.433.360
+ Phải thu Bảo hiểm xã hội	58.394.529	275.011.367
+ Phải thu khác	31.813.140	79.216.712
	19.056.065.619	15.576.809.791

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	43.080.637.256	33.501.703.011
Công cụ, dụng cụ	140.210.371	175.751.559
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.512.764.607	14.402.284.528
Thành phẩm	43.406.032.088	57.526.089.684
Hàng hoá	-	299.923.200
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	118.139.644.322	105.905.751.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2013	10.553.422.107	15.705.603.665	6.007.262.552	844.660.408	33.371.429	33.144.320.161
- Mua trong năm	-	1.226.199.091	-	-	-	1.226.199.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	(274.000.000)	-	-	-	(274.000.000)
- Giảm khác (*)	-	(525.243.951)	-	(443.955.451)	(33.371.429)	(1.002.570.831)
31/12/2013	10.553.422.107	16.132.558.805	6.007.262.552	400.704.957	-	33.093.948.421
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2013	(8.729.849.469)	(14.899.225.279)	(5.823.633.071)	(822.316.335)	(23.950.045)	(30.298.974.199)
- Khấu hao trong năm	(448.776.492)	(755.941.950)	(183.629.481)	-	-	(1.388.347.923)
- Giảm khác (*)	-	433.761.052	-	421.611.378	23.950.045	879.322.475
31/12/2013	(9.178.625.961)	(15.221.406.177)	(6.007.262.552)	(400.704.957)	-	(30.807.999.647)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2013	1.823.572.638	806.378.386	183.629.481	22.344.073	9.421.384	2.845.345.962
31/12/2013	1.374.796.146	911.152.628	-	-	-	2.285.948.774

(*): Giảm khác là nguyên giá và hao mòn lũy kế của các tài sản không đủ tiêu chuẩn phân loại là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.963.644.023 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2013	-	225.742.000	225.742.000
- Tăng từ chi phí trả trước dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
31/12/2013	<u>20.000.000.000</u>	<u>225.742.000</u>	<u>20.225.742.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2013	-	(210.366.050)	(210.366.050)
- Khấu hao trong năm	-	(15.375.950)	(15.375.950)
31/12/2013	<u>-</u>	<u>(225.742.000)</u>	<u>(225.742.000)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2013	<u>-</u>	<u>15.375.950</u>	<u>15.375.950</u>
31/12/2013	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công trình Nhà máy tại Hải Dương	25.035.643.958	21.293.563.284
Chi mua sắm tài sản cố định	8.736.010.364	-
	<u>33.771.654.322</u>	<u>21.293.563.284</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2013			01/01/2013		
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây Dựng Nguồn Điện	20.000.000.000	100%	100%	20.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Xây lắp PEC	2.550.000.000	51%	51%	2.550.000.000	51%	51%
	<u>22.550.000.000</u>			<u>22.550.000.000</u>		

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc, số tiền là 2,5 tỷ đồng tương đương với 250.000 cổ phiếu; tỷ lệ sở hữu là 5% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thuê đất tại Hải Dương	-	20.000.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	345.388.319	269.074.708
	345.388.319	20.269.074.708

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		-
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	87.757.453.618	99.460.046.570
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (2)	6.565.057.703	4.802.479.568
- Các cá nhân	2.860.000.000	-
	97.182.511.321	104.262.526.138

(1) Đây là khoản vay ngắn hạn theo hạn mức của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/HNCT128-PEC ngày 14 tháng 10 năm 2013 với hạn mức vay là 120 tỷ đồng, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức vay là từ ngày 14/10/2013 đến ngày 30/09/2014, thời hạn cho vay của từng khoản Nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá chín (09) tháng. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ lục của Hợp đồng vay (giao động từ 9,5% đến 10,5% tùy từng khoản vay và thời điểm vay cụ thể).

(2) Đây là khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0011 ngày 21/05/2012 với hạn mức vay là 5 tỷ đồng, với mục đích vay là tiền vay sẽ được dùng để thanh toán L/C trả ngay cho việc nhập khẩu kẽm từ nước ngoài, loại hạn mức tín dụng ngắn hạn tuần hoàn. Thời hạn cho vay là mười hai (12) tháng sau kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng, thời hạn trả nợ là ba (03) tháng sau kể từ ngày giải ngân tương ứng, lãi suất cho vay là chi phí vốn vay của Ngân hàng cho kỳ hạn 3 tháng cộng với 2,9% một năm, kỳ hạn trả lãi là một (01) tháng, lãi cuối kỳ. Theo Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0011/005 ngày 13/06/2013, hạn mức tín dụng là 7,5 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	-	1.319.412.111
Thuế xuất, nhập khẩu	-	883.729.437
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	314.433.520	1.952.744.828
Thuế thu nhập cá nhân	44.698.873	-
Thuế tài nguyên	70.832.000	33.914.464
	429.964.393	4.189.800.840

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	186.880.157	239.050.209
	186.880.157	239.050.209

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	28.271.828	18.700.000
Kinh phí công đoàn	767.852.368	855.686.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.559.003.249	4.624.905.815
+ <i>Phải trả cổ tức năm nay</i>	<i>2.916.000.000</i>	-
+ <i>Phải trả cổ tức các năm trước</i>	<i>1.224.299.700</i>	<i>4.446.299.700</i>
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>418.703.549</i>	<i>178.606.115</i>
	5.355.127.445	5.499.292.147

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư cuối năm là khoản vay các cá nhân Công ty, lãi suất xác định theo lãi vay ngân hàng vào thời điểm đầu năm và tiền lãi được cộng gộp vào gốc vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2012	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	174.720	16.155.577.186	2.631.564.024	-	53.448.579.427
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.556.030.336	4.556.030.336
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.187.186.891	-	(4.399.983.615)	(3.212.796.724)
Chi cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(2.916.000.000)	(2.916.000.000)
Các quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	1.187.186.891	-	(1.483.983.615)	(296.796.724)
- Giảm khác	-	-	-	(174.720)	-	-	(156.046.721)	(156.221.441)
31/12/2012	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	-	17.342.764.077	2.631.564.024	-	54.635.591.598
01/01/2013	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	-	17.342.764.077	2.631.564.024	-	54.635.591.598
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	5.446.991.744	5.446.991.744
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	2.530.991.743	-	(5.446.991.744)	(2.916.000.002)
Chi cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(2.916.000.000)	(2.916.000.000)
Các quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	2.530.991.744	-	(2.530.991.744)	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1)	-	-	(1)
31/12/2013	24.300.000.000	2.325.000.000	8.036.263.497	-	19.873.755.820	2.631.564.024	-	57.166.583.341

(*): Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết số 38A/NĐ-PEC ngày 20/02/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	10.200.000.000	10.200.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.200.000.000	10.200.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	14.100.000.000	14.100.000.000
- Các Cổ đông sáng lập khác	2.068.300.000	2.068.300.000
- Cổ đông khác	12.031.700.000	12.031.700.000
	24.300.000.000	24.300.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	24.300.000.000	24.300.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	24.300.000.000	24.300.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	-	-

18.4 CỔ TỨC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán	2.916.000.000	2.916.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	2.916.000.000	2.916.000.000

(*): Theo Nghị quyết số 38A/NĐ-PEC ngày 20/02/2014, tỷ lệ chia cổ tức là 12%.

18.5 CỔ PHIẾU

	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.430.000	2.430.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.430.000	2.430.000
+ Cổ phiếu thường	2.430.000	2.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.430.000	2.430.000
+ Cổ phiếu thường	2.430.000	2.430.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.6 CÁC QUỸ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.873.755.820	17.342.764.077
Quỹ dự phòng tài chính	2.631.564.024	2.631.564.024
	22.505.319.844	19.974.328.101

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	310.370.505.097	356.028.390.187
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	270.285.771.273	319.308.865.483
+ Doanh thu bán thành phẩm	166.460.483.071	200.559.271.554
+ Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	103.825.288.202	118.749.593.929
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.084.733.824	36.719.524.704
+ Doanh thu dịch vụ mạ	40.039.880.019	36.670.325.840
+ Doanh thu dịch vụ khác	44.853.805	49.198.864
	310.370.505.097	356.028.390.187

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	152.296.650.357	169.607.812.973
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	101.320.315.686	117.729.196.146
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.316.992.079	32.937.814.463
	286.933.958.122	320.274.823.582

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.742.437	66.347.637
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.616.000.000	275.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.351	3.664.480
Doanh thu hoạt động tài chính khác	328.889.488	-
	4.987.682.276	345.012.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.645.131.120	11.947.271.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	173.798.452	230.900.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.359	31.577
Chi phí tài chính khác	-	1.072.720
	10.818.940.931	12.179.276.623

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	8.892.584	-
Chi phí bảo hành Công trình	-	4.434.732.604
Hoàn nhập chi phí bảo hành hàng hóa, dịch vụ cung cấp đã trích năm trước (*)	(6.662.037.690)	-
Chi phí hoa hồng môi giới	836.371.000	333.666.000
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	38.000.000	39.090.909
Chi phí vận chuyển thuê ngoài	573.485.320	242.902.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.961.363	8.813.636
	(5.191.327.423)	5.059.205.799

(*) Số hoàn nhập chi phí bảo hành trong năm là chi phí bảo hành các hàng hóa, dịch vụ đã trích từ năm 2011, 2012. Đến ngày 31/12/2013 đã hết thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhưng không phát sinh chi phí về bảo hành, Công ty thực hiện hoàn nhập lại chi phí này.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.175.223.002	6.177.187.083
Chi phí vật liệu quản lý	233.617.906	875.296.965
Chi phí đồ dùng văn phòng	339.753.898	89.496.956
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.029.216	785.913.806
Thuế phí, lệ phí	71.017.961	676.659.483
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.768.776.688	2.488.616.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.211.534.646	1.630.153.848
Chi phí phát triển khoa học công nghệ	(818.969.366)	-
Chi phí bằng tiền khác	2.650.605.134	2.042.273.653
	16.803.589.085	14.765.598.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu	2.095.959.903	1.653.131.614
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.359.296.706
Thu nhập khác	297.630.168	561.532.750
	2.393.590.071	3.573.961.070

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí bán phế liệu, TSCĐ	1.966.410.037	1.671.414.218
Chi phí phạt hợp đồng	325.038.000	-
Chi phí khác	304.014.103	5.180.298
	2.595.462.140	1.676.594.516

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.791.154.589	5.991.864.071
Các khoản chi phí không được khấu trừ	201.496.790	67.347.028
- Các khoản chi phí không được trừ khác	201.496.790	28.192.028
- Khấu hao ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	39.155.000
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	4.616.000.000	275.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.616.000.000	275.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.376.651.379	5.784.211.099
Thu nhập chịu thuế suất 25%	1.376.651.379	5.647.957.237
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 50%)	-	0
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 30%) theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012	-	136.253.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	344.162.845	1.435.833.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.446.991.744	4.556.030.336
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.430.000	2.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.242	1.875

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.610.287.579	83.968.608.703
Chi phí nhân công	20.677.127.557	23.650.351.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.148.975.525	3.001.305.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.669.567.203	3.624.027.964
Chi phí khác bằng tiền	21.659.526.630	15.354.540.508
	129.765.484.494	129.598.834.539

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Các loại công cụ tài chính**

	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.041.193.193	25.715.774.532
Các khoản phải thu ngắn hạn	184.169.753.213	121.615.503.087
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	2.500.000.000	2.500.000.000
	188.710.946.406	149.831.277.619
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	97.182.511.321	104.262.526.138
Phải trả người bán	91.415.971.566	42.304.047.301
Chi phí phải trả	186.880.157	239.050.209
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.559.003.249	4.624.905.815
Phải trả dài hạn người bán	25.417.370.079	0
Phải trả dài hạn khác	4.148.720.060	4.148.720.060
Vay và nợ dài hạn	376.129.436	187.906.778
	223.286.585.868	155.767.156.301
Trạng thái ròng	(34.575.639.462)	(5.935.878.682)

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty có phát sinh một số giao dịch mua bán bằng ngoại tệ, tuy nhiên tỷ trọng giá trị các giao dịch này trong tổng giá trị giao dịch mua bán của Công ty trong năm là không lớn. Do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Rủi ro thị trường (tiếp)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với các Ngân hàng, Cá nhân.

Đối với các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương, Công ty chịu rủi ro lãi suất theo mức lãi suất ngắn hạn của từng lần nhận nợ với Ngân hàng. Đối với các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM – Chi nhánh Trần Duy Hưng, Công ty chịu rủi ro lãi suất là mức lãi suất chi phí vốn vay của Ngân hàng kỳ hạn 03 tháng cộng với 2,9%/năm. Đối với các khoản vay cá nhân, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do vay vốn với lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công nợ tài chính	Dưới 2 năm	Từ 2 năm trở lên	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	97.182.511.321	-	97.182.511.321
Phải trả người bán	91.415.971.566	-	91.415.971.566
Chi phí phải trả	186.880.157	-	186.880.157
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.559.003.249	-	4.559.003.249
Phải trả dài hạn người bán	25.417.370.079	-	25.417.370.079
Phải trả dài hạn khác	4.148.720.060	-	4.148.720.060
Vay và nợ dài hạn	376.129.436	-	376.129.436
	223.286.585.868	-	223.286.585.868
Tại ngày 01/01/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	104.262.526.138	-	104.262.526.138
Phải trả người bán	42.304.047.301	-	42.304.047.301
Chi phí phải trả	239.050.209	-	239.050.209
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.624.905.815	-	4.624.905.815
Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	4.148.720.060	-	4.148.720.060
Vay và nợ dài hạn	187.906.778	-	187.906.778
	155.767.156.301	-	155.767.156.301

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 2 năm	Từ 2 đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.041.193.193	-	2.041.193.193
Các khoản phải thu ngắn hạn	184.169.753.213	-	184.169.753.213
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	2.500.000.000	-	2.500.000.000
	188.710.946.406	-	188.710.946.406
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.715.774.532	-	25.715.774.532
Các khoản phải thu ngắn hạn	121.615.503.087	-	121.615.503.087
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	2.500.000.000	-	2.500.000.000
	149.831.277.619	-	149.831.277.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư dài hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu và đầu tư dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ)		Không quá hạn		Quá hạn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
		Không bị suy giảm giá trị	Tổng	Bị suy giảm giá trị	Trên 1 năm	Tổng
				Không bị suy giảm giá trị		
31/12/2013						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.041.193.193	2.041.193.193	2.041.193.193	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	202.116.735.119	178.304.732.399	178.304.732.399	17.946.981.906	5.865.020.814	23.812.002.720
Các khoản đầu tư tài chính khác	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
	206.657.928.312	182.845.925.592	182.845.925.592	17.946.981.906	5.865.020.814	23.812.002.720
01/01/2013						
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.715.774.532	25.715.774.532	25.715.774.532	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.793.708.305	116.918.340.641	116.918.340.641	14.178.205.218	4.697.162.446	18.875.367.664
Các khoản đầu tư tài chính khác	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
	164.009.482.837	145.134.115.173	145.134.115.173	14.178.205.218	4.697.162.446	18.875.367.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. THÔNG TIN KHÁC****31.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu với các bên liên quan	73.953.887.034	85.230.304.857
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Nguồn điện	73.770.771.174	84.993.919.278
- Công ty TNHH Xây Lắp PEC	183.115.860	236.385.579
Thu nhập khác từ bên liên quan	114.905.404	35.729.145
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Nguồn điện	114.905.404	35.729.145

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	595.892.344	548.825.688
- Lương và phụ cấp	595.892.344	548.825.688

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu khách hàng	53.073.985.367	4.289.217.397
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Nguồn điện	53.073.985.367	4.289.217.397
Công ty TNHH Xây lắp PEC	200.573.846	-
Các khoản phải thu khác	18.965.857.950	15.018.413.181
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Nguồn điện	18.518.413.181	15.018.413.181
<i>Phải thu tiền cổ tức</i>	<i>18.305.979.821</i>	<i>14.805.979.821</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>212.433.360</i>	<i>212.433.360</i>
Công ty TNHH Xây Lắp PEC	447.444.769	-
<i>Phải thu tiền cổ tức</i>	<i>447.444.769</i>	-
Các khoản trả trước cho người bán	-	287.020.684
Công ty TNHH Xây Lắp PEC	-	287.020.684
Các khoản phải trả người bán	2.314.769.966	-
Công ty TNHH Xây Lắp PEC	2.314.769.966	-

31.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Lê Minh Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Phạm Thu Hằng

Kế toán trưởng

Tạ Thị Mai Hương

Người lập